

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TMT24B3**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MD05129**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Lắp ráp và cài đặt máy tính**

Số TC: **5**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2454801020710	Lê Minh An	15/02/2009				8	6.0	6.0	7.0		7.0		6.8
2	2454801020711	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	02/07/2009				8	7.0	5.0	6.0		7.0		6.7
3	2454801020712	Phan Thế Danh	05/10/2009				8	6.0	5.0	6.0		6.0		6.0
4	2454801020713	Võ Trương Thành Đô	25/03/2009				8	6.0	7.0	6.0		6.0		6.2
5	2454801020714	Đỗ Trần Phú Hải	14/05/2009				8	6.0	6.0	6.5		7.0		6.8
6	2454801020715	Phạm Văn Huy	05/06/2007				8	5.0	5.0	5.0		0.0	6.0	5.8
7	2454801020716	Nguyễn Phước Kha	24/04/2009				8	5.0	6.0	6.0		6.0		6.0
8	2454801020717	Lê Nhựt Khang	30/07/2009				8	6.0	6.0	7.0		7.0		6.8
9	2454801020719	Nguyễn Lê Tuấn Khoa	27/09/2009				8	5.0	7.0	6.0		7.0		6.7
10	2454801020720	Phạm Đăng Khoa	08/06/2009				8	5.0	6.0	6.0		6.0		6.0
11	2454801020721	Nguyễn Minh Lâm	12/05/2009				8	6.0	5.5	6.0		6.0		6.1
12	2454801020722	Trương Phi Long	08/06/2009				8	5.0	5.0	5.0		0.0	0.0	2.2
13	2454801020724	Nguyễn Minh Lực	19/04/2009				8	7.0	6.0	7.0		7.0		6.9
14	2454801020725	Nguyễn Hoài Nam	07/11/2009				8	9.0	8.0	7.0		9.0		8.6
15	2454801020726	Huỳnh Gia Nghi	03/10/2009				8	5.0	5.0	5.0		0.0	0.0	2.2
16	2454801020727	Hồ Tài Nguyên	10/12/2009				8	5.0	5.0	5.0		0.0	0.0	2.2
17	2454801020728	Lê Văn Nhất	25/10/2009				0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
18	2454801020729	Phạm Quốc Phú	06/05/2009				8	5.0	6.0	6.0		6.0		6.0
19	2454801020730	Lê Thiện Phúc	22/03/2006				8	6.0	6.0	7.0		7.0		6.8
20	2454801020732	Bùi Văn Quý	16/09/2009				0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
21	2454801020733	Ngô Văn Quý	11/09/2003				8	7.0	8.0	7.0		8.0		7.8
22	2454801020734	Đoàn Minh Tấn	09/09/2009				0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
23	2454801020735	Lê Hồng Tấn	16/10/2009				8	7.0	6.0	6.5		7.0		6.9
24	2454801020736	Hồ Hoàng Thái	19/07/2008				8	6.0	5.0	6.0		0.0	7.0	6.6
25	2454801020737	Lâm Hoàng Thái	20/05/2009				0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
26	2454801020738	Lê Chí Thiện	22/08/2009				8	6.0	6.5	6.0		6.0		6.2
27	2454801020739	Phạm Quốc Thiện	02/08/2009				8	5.0	5.0	5.0		0.0	0.0	2.2
28	2454801020741	Nguyễn Văn Tân Tiến	07/09/2009				8	5.0	5.0	5.0		0.0	0.0	2.2
29	2454801020742	Bùi Nguyễn Trãi	19/09/2009				0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
30	2454801020744	Lê Hoàng Tuấn	08/11/2009				8	9.0	8.0	7.0		9.0		8.6
31	2454801020745	Hồ Công Tỹ	14/06/2009				8	7.0	6.0	6.0		6.0		6.2

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 28 tháng 7 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Công Minh Duy